

Ye Sons And Daughters

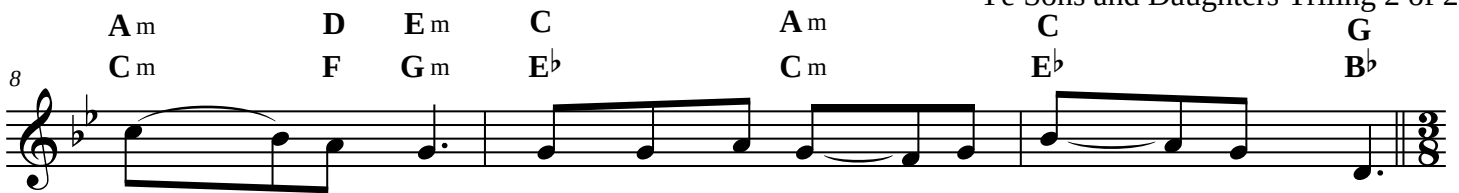
Capo 3: *E m* *C* *A m* *E m* *A m* *D* *E m*
G m *E b* *C m* *G m* *C m* *F* *G m*

Refrain

Al - le - lu - ia! — Al - le - lu - ia! Al - le - lu - ia! —

Verses

- 1a..Ye sons and daugh-ters, let - us sing! The King of heav'n the
 1b..Cris - to Je - sus re - su - ci - tó! Can - tar que - re - mos
 1c..Cùng nhau ta hát ngời khen Vua Trời Vua vinh hiển trên khắp
- 2a..That Eas - ter morn, at break of day, The faith - ful wom - en
 2b..Ya las mu - je - res san - tas van a^un - gir el cuer - po
 2c..Ngày chưa bùng sáng chưa ló mặt trời. Đoàn phụ nữ đã chạy
- 3a..An an - gel clad in white they see, Who sat, and spoke un -
 3b..La nue - va^un án - gel les da - rá: "Cri - sto Je - sús re -
 3c..Họ nhìn thấy có thần sứ sáng ngời. Người loan tin báo để
- 4a..That night the^a - pos - tles met in fear; A - midst them came their
 4b..An - te la nue - va, Pr - dro^y Juan a - cu - den pres - tos
 4c..Màn đêm dần xuống ai nấy lo sợ. Và Chúa đã đến ở
- 5a..When Thom - as first the tid - dings heard, How they had seen the
 5b..Re - su - ci - ta - do, vi - si - tó a Mag - da - le - na^el
 5c..Tô - ma nghe các ông nói về Thầy. "Thầy ta đã sống lại
- 6a.."My pierc - ed side, O Thom - as, see; My hands, my feet the
 6b..A los a - pós - to - les des - pués, se muestra^y dí - ce -
 6C.."Cạnh sườn Ta đã bị đâm hãy sờ. Và chân tay Ta này
- 7a..No long - er Thom - as then de - nied, He saw the feet the
 7b..To - más no^es - ta - ba^y se ne - gó a dar por cier - to
 7c..Giờ Tô - ma đã thôi hết chối từ. Vì đã nhìn thấy chân
- 8a..How blest are they who have not seen. And yet whose faith has
 8b..Je - sús ben - di - jo^a quien sin ver y sin du - dar cre -
 8c.."Thật bao vinh phúc cho ai chưa nhìn, mà đã kiên vững niềm
- 9a..On this most ho - ly day of days, To God your hearts and
 9b..Los dos a - mi - gos de^E - ma - ús du - ran - te la frac -
 9c..Mừng ngày cực thánh trong hết mọi ngày. Lòng hãy luôn mãi ca



1..glo - rious King, O'er death to - day__ rose tri - umph-ing.
 en____su^ho-nor por-que^q la muer__ te de - rro - tó.
 mọi____loài. Hôm nay sống lại chiến__thắng tử____thần.____

2..went__ their way. To seek the tomb__where Je - sus lay.
 del - Se - ñor y^a su se - pul - cro lle - ga - rán.
 đến____tìm Thầy. Ra nơi nắm nộ____nơi Chúa____an nghỉ.

3..to____ the three: "Your Lord has gone__ to Gal - i - lee."
 su - ci - tó y^en su se - pul - cro ya____no^es-tá."
 họ____biết rằng: "Chúa người đã đi____đến Ga - li - lê."

4..Lord__ most dear, And said, "My peace be on____ all here."
 al____ lu - gar. A Cris-to^en éi____no^en-con tra - rán.
 giữa____phán rằng: "Bình An của Ta____nay ở____cùng người."

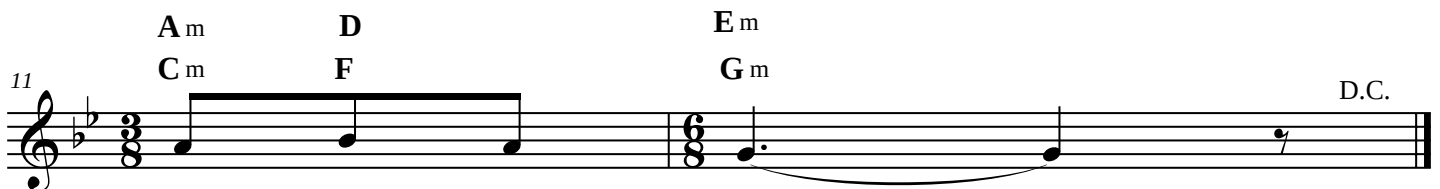
5..ris - en Lord, He doubt - ed the____ dis - ci - ples' word.
 Sal - va - dor, y^e - lla^a sus plan - tas se^a - rro - jó
 thật____sự rồi." Tô - ma chẳng tin____lời các____môn đồ.

6..show__ to thee; Not faith-less, but____ be - liev - ing be."
 les:____ "Yo soy; mi - rad mis ma - nos y____ mis pies."
 đây____hãy nhìn. Hãy có đức tin____thôi chớ____cứng lòng."

7..hands, the side; "Thou art my Lord__ and God,"__ he cried.
 que^e - ra Éi. Por fin lo vio____ y lo con - fe - só.
 tay____của Thầy. Tô - ma tuyên xưng__"Chúa chính____Chúa Trời."

8..con - stant been. For they e - ter - nal life____ shall win.
 ye - ra^en Éi. Ben - di - tos, pues,__ que - rra - mos ser.
 tin____nơi Thầy." Họ sẽ hưởng được____sự sống____muôn đời.

9..voice - es raise, In laud, and ju - bi - lee____ and praise.
 ción____del pan re - co - no - cie - ron a____ Je - sús.
 chúc____danh Ngài. Hân hoan kính dâng__câu hát____tiếng đàn.



Al - le - lu - - - ia!_____